

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ TÂY NINH **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
TỈNH TÂY NINH

Bản án số: 41/2020/HNGĐ-ST

Ngày 10-9-2020

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con,
chia tài sản khi ly hôn”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂY NINH – TỈNH TÂY NINH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Linh Phi

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Liễu
2. Ông Nguyễn Thanh Tuấn

-Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Ninh, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Tiểu Phương, Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 156/2020/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2020 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Trần Công H**, sinh năm 1970; Vắng mặt; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Chị **Phạm Thị Ngọc D**, sinh năm 1981; Vắng mặt; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Cùng địa chỉ cư trú: Tổ 12 ấp TL, xã TT, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh **H**: Chị Nguyễn Thị Ngọc L – Trợ giúp viên trung tâm trợ giúp pháp ý tỉnh Tây Ninh; Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chi nhánh Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo pháp luật: Anh Trương Hồng Đ – Giám đốc; Vắng mặt; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 24-4-2020 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Trần Công H trình bày:

Anh H và chị D đăng ký kết hôn năm 2012 tại UBND xã Thạnh Tân, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh. Trong thời gian chung sống thời gian đầu hạnh phúc nhưng từ khi anh H bị bệnh suy thận mãn tính thời kỳ cuối thì chị D không lo lắng, chăm sóc yêu thương nên đời sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Nay anh H yêu cầu được ly hôn với chị D.

Về con chung: Có 01 con chung tên Trần Công H, sinh ngày 16-11-2014. Anh H giao con chung cho chị D nuôi dưỡng.

Tài sản chung: Có 01 căn nhà cấp 4 diện tích 78,45 m² tọa lạc trên phần đất thửa số 116 (trích thửa 42), tờ bản đồ số 30 tọa lạc tại ấp Thạnh Lợi, xã Thạnh Tân, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh, anh H yêu cầu được chia ½ giá trị tài sản và anh H nhận tiền. Ngoài ra, anh H và chị D không còn tài sản chung nào khác.

Về nợ chung: Nợ Chi nhánh ngân hàng chính sách xã hội tỉnh Tây Ninh số tiền 20.000.000 đồng, yêu cầu giải quyết nợ chung theo quy định pháp luật.

Tiền chi phí định giá tài sản là 1.200.000 đồng anh H yêu cầu chị D trả cho anh 600.000 đồng.

Theo Bản tự khai ngày 13-5-2020 và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Phạm Thị Ngọc D trình bày:

Chị D thống nhất như lời trình bày của anh H về thời gian chung sống, đăng ký kết hôn, con chung, tài sản chung, nợ chung.

Cuộc sống vợ chồng hiện nay không còn hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do tính tình không hợp nhau nên chị D đồng ý ly hôn với anh H.

Về con chung: Có 01 con chung tên Trần Công Hậu, sinh ngày 16-11-2014. Chị D yêu cầu nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng.

Tài sản chung: Có 01 căn nhà cấp 4 diện tích 78,45 m² trên phần đất thửa số 116 (trích thửa 42), tờ bản đồ số 30 tọa lạc tại ấp Thạnh Lợi, xã Thạnh Tân, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh, chị D đang sinh sống trên

đất, về tài sản chung chị D đồng ý chia tài sản cho anh H nhưng trả cho anh H mỗi tháng 300.000 đồng.

Nợ chung: Nợ Chi nhánh ngân hàng chính sách xã hội tỉnh Tây Ninh 20.000.000 đồng chị D sẽ trả nợ cho ngân hàng hàng tháng 500.000 đồng.

Tiền chi phí định giá chị D không đồng ý trả cho anh H 600.000 đồng.

** Theo Bản tự khai ngày 17-6-2020 và trong quá trình giải quyết vụ án anh Đức là người đại diện cho Chi nhánh Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh Tây Ninh trình bày:*

Ngày 15-3-2019 anh H, chị D có vay tiền từ chương trình Nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn 20.000.000 đồng, đến ngày 05-6-2020 trả được 3.000.000 đồng, tính đến ngày 10-9-2020 anh H chị D còn nợ 17.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi là 151.000 đồng. Ngân hàng yêu cầu anh H, chị D trả nợ cho ngân hàng 17.151.000 đồng.

- Ý kiến người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh H và chị D. Về con chung ghi nhận giao con chung cho chị D nuôi dưỡng và anh H được quyền đến thăm con không ai được cản trở. Tài sản chung anh H được nhận $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản khoảng 95.000.000 đồng và nợ chung đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận chị D tự nguyện trả cho Chi nhánh Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh Tây Ninh. Anh H được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội D, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt Nội quy phiên tòa.

+ Về nội D: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 27, Điều 33, Điều 37; Điều 51; Điều 55; Điều 59; Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh H và chị D; Về con chung: Giao con chung tên Trần Công Hậu, sinh ngày 16-11-2014 cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng và chị D không yêu cầu cấp dưỡng; Về tài sản chung, nợ chung, chi phí tố tụng:

Giải quyết theo quy định pháp luật. Anh H, chị D, Ngân hàng chính sách xã hội được miễn nộp tiền án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Anh Trần Công H có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn giữa anh và chị Phạm Thị Ngọc D, chị D có nơi cư trú tại ấp Thanh Hiệp, xã Thanh Tân, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh. Theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm b Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

Anh H, chị D và anh Đức đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội D vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Giữa anh H và chị D tự nguyện tìm hiểu tiến đến hôn nhân có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thanh Tân, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh vào năm 2012 là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Trong thời gian đầu chung sống vợ chồng hạnh phúc nhưng từ khi anh H bị bệnh suy thận mãn tính thì giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, hiện tại anh chị không còn tình cảm với nhau và anh chị thống nhất ly hôn nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa anh H và chị D.

[2.2] Về con chung: Anh H, chị D có 01 con chung tên Trần Công H, sinh ngày 16-11-2014, con chung hiện đang sống chung với chị D.

Anh H, chị D thống nhất giao con chung cho chị D nuôi dưỡng, chị D không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, anh H có quyền và nghĩa vụ đến thăm non con chung không ai được cản trở.

[2.3] Về tài sản chung: Anh H, chị D thống nhất tài sản chung gồm có: 01 căn nhà cấp 4 có kết cấu: Móng bê tông cốt thép và gạch, nền gạch men, mái tôn, trần tôn lạnh, cửa sắt kính, tường xây gạch tô trát vữa, xê nô bê tông cốt thép, diện tích 78,45 m². Giá trị còn lại 190.045.000 đồng.

Tài sản chung anh H, chị D đồng ý chia theo quy định pháp luật nhưng chị D yêu cầu đưa anh H mỗi tháng 300.000 đồng. Xét thấy, anh H và chị D đều có công sức đóng góp ngang nhau trong việc tạo lập tài sản nên tài sản chung được chia đôi mỗi người được hưởng $\frac{1}{2}$ giá trị là 95.022.500 đồng.

Xét thấy, nhà đất trên hiện nay do chị D đang sinh sống và quản lý; căn nhà tọa lạc trên phần đất của chị D được cha mẹ tặng cho riêng. Vì vậy, để đảm bảo cuộc sống ổn định của chị D khi chị là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung nên cần giao nhà cho chị D được quyền quản lý, sử dụng và sở hữu. Chị D có trách nhiệm trả cho anh H 95.022.500 đồng tiền chênh lệch trong giá trị tài sản chung.

[2.4] Về nợ chung:

Anh H, chị D thống nhất ngày 15-3-2019 có vay Chi nhánh ngân hàng chính sách xã hội tỉnh Tây Ninh 20.000.000 đồng và yêu cầu giải quyết nợ chung theo quy định pháp luật. Tính đến ngày 10-9-2020 anh H, chị D còn nợ Chi nhánh Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh Tây Ninh số tiền 17.151.000 đồng. Trong đó, tiền nợ gốc là 17.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 10-9-2020 là 151.000 đồng. Vì vậy, Chi nhánh Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh Tây Ninh yêu cầu anh H, chị D trả số tiền trên là có cơ sở chấp nhận.

Về lãi suất chậm trả: Theo Án lệ số [08/2016/AL](#) về xác định lãi suất, việc điều chỉnh lãi suất trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, được lựa chọn từ Quyết định giám đốc thẩm số 12/2013/KDTM- GĐT ngày 16/5/2013 và được công bố theo [Quyết định số 698/QĐ-CA](#) ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao thì: *“Đối với các khoản tiền vay của tổ chức Ngân hàng, tín dụng, ngoài khoản tiền nợ gốc, lãi vay trong hạn, lãi vay quá hạn, phí mà khách hàng vay phải thanh toán cho bên cho vay theo hợp đồng tín dụng tính đến ngày xét xử sơ thẩm, thì kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay”*.

Hội đồng xét xử xét thấy tính chất, các tình tiết, sự kiện pháp lý trong vụ án này tương tự như các tình tiết, sự kiện pháp lý trong án lệ. Vì vậy, cần

áp dụng Án lệ số 08/2016/AL ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao để xác định nghĩa vụ chậm thi hành án.

[3] Về chi phí tố tụng:

Anh H, chị D mỗi người phải chịu 600.000 đồng. anh H đã nộp 1.200.000 đồng, chị D có nghĩa vụ trả cho anh H 600.000 đồng.

[4] Đối với lời trình bày của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh H về quan hệ hôn nhân, con chung và tài sản chung là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với lời trình bày của chị Linh về nợ chung không phù hợp nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[5] Đối với đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh Hội đồng xét xử thấy đề nghị này phù hợp nên chấp nhận.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Theo quy định Điểm c Khoản 1 Điều 11; Điểm đ Khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì anh H, chị D được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm và Ngân hàng không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 27, Điều 33, Điều 37; Điều 51, Điều 55; Điều 59; Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 463, 466 của Bộ luật dân sự; Điểm c Khoản 1 Điều 11; Điểm đ Khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Công H và chị Phạm Thị Ngọc D tự nguyện thuận tình ly hôn.

2. Về quan hệ con chung: Giao con chung tên Trần Công H, sinh ngày 16-11-2014 cho chị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị D không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Anh H có quyền và nghĩa vụ đến thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về quan hệ tài sản chung:

Giao cho chị Phạm Thị Ngọc D được quyền quản lý, sử dụng và sở hữu 01 căn nhà cấp 4 có kết cấu: Móng bê tông cốt thép và gạch, nền gạch men, mái tôn, trần tôn lạnh, cửa sắt kính, tường xây gạch tô trát vữa, xê nô

bê tông cốt thép, diện tích 78,45 m² tọa lạc tại ấp Thạnh Hiệp, xã Thạnh Tân, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh. Giá trị còn lại 190.045.000 đồng.

Chị D có trách nhiệm trả cho anh H 95.022.500 (Chín mươi lăm triệu không trăm hai mươi hai nghìn năm trăm) đồng tiền chênh lệch trong giá trị tài sản chung.

4. Về nợ chung:

Buộc chị Phạm Thị Ngọc D và anh Trần Công H có nghĩa vụ trả cho Chi nhánh Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh Tây Ninh số tiền 17.151.000 (Mười bảy triệu một trăm năm mươi một nghìn) đồng, trong đó nợ gốc số tiền 17.000.000 đồng, tiền lãi tính đến ngày 10-9-2020 là 151.000 đồng

Anh H, chị D phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn đối với khoản tiền nợ gốc, kể từ ngày 11-9-2020 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng thì lãi suất mà anh H, chị D phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng.

5. Về chi phí tố tụng:

Anh H, chị D mỗi người phải chịu 600.000 (Sáu trăm nghìn) đồng. Ghi nhận anh H đã nộp xong.

Chị D nộp trả cho anh H 600.000 (Sáu trăm nghìn) đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

6. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Anh H, chị D được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm và Chi nhánh Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh Tây Ninh không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

7. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh. Riêng đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày Tòa án niêm yết bản án tại UBND xã (phường) nơi cư trú.

8. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều

6; Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV, TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND Tp.TN;
- Chi cục THADS Tp.TN;
- Các đương sự;
- UBND Phường IV, Tp. TN;
- Lưu hồ sơ;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Linh Phi